

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số .85./QĐ-SIU ngày 10 tháng 3 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn)

| | |
|----------------------------------|--|
| Tên chương trình đào tạo: | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Master of Business Administration – MBA |
| Trình độ đào tạo: | Thạc sĩ |
| Loại hình đào tạo: | Chính quy |
| Ngành đào tạo: | Quản trị kinh doanh |
| Mã ngành: | 8340101 |
| Chuyên ngành đào tạo: | Quản trị kinh doanh |

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Programme Objectives - POs):

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (Master of Business Administration - MBA) theo định hướng ứng dụng sẽ trang bị cho học viên kiến thức chuyên sâu trong quản trị điều hành doanh nghiệp, cung cấp cho học viên kỹ năng và kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học tiên tiến trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

Chương trình đào tạo giúp học viên hình thành và nâng cao năng lực giải quyết vấn đề trong kinh doanh, tổ chức triển khai nghiên cứu độc lập, và phân tích kết quả nghiên cứu phục vụ cho việc ứng dụng vào thực tiễn hoạt động quản trị kinh doanh của các tổ chức. Chương trình đào tạo mang tính thực tiễn cao, áp dụng phân tích tình huống thực tế của các doanh nghiệp, nghiên cứu các lý thuyết nền tảng và cập nhật xu hướng nghiên cứu trong từng lĩnh vực chuyên môn.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- **PO1:** Học viên hiểu và nắm được kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị tổ chức và điều hành doanh nghiệp.
- **PO2:** Học viên phân tích các vấn đề và quyết định kinh doanh thực tiễn bằng cách sử dụng kiến thức, lý thuyết kinh doanh, cũng như các công cụ và công nghệ hỗ trợ ra quyết định. Từ đó, học viên có khả năng xây dựng và thực hiện những chiến lược, dự án cho tổ chức, doanh nghiệp.
- **PO3:** Học viên xây dựng, trình bày và sử dụng các phương thức truyền thông kinh doanh

hiệu quả để tiếp cận các đối tượng khách hàng, đối tác đa dạng.

- **PO4:** Học viên có khả năng tạo môi trường làm việc gắn kết, công bằng trong nhóm, tổ chức, doanh nghiệp dựa trên sự đóng góp của các thành viên. Học viên đánh giá được mức hiệu quả của việc sử dụng các động lực thúc đẩy và các yếu tố ảnh hưởng trong việc đạt được mục tiêu chung của nhóm/tổ chức.

- **PO5:** Học viên phân tích kiến thức về đạo đức, luật pháp, kinh tế và môi trường toàn cầu cho các tình huống kinh doanh thực tế và đánh giá tác động của chúng. Bên cạnh đó, học viên có khả năng chủ động thích nghi, sáng tạo và đổi mới, biết suy nghĩ đa chiều, tôn trọng sự khác biệt, có trách nhiệm trong công việc và với xã hội.

- **PO6:** Học viên có năng lực tự học, tự nghiên cứu để phát triển chuyên môn và có thể tiếp tục học ở trình độ cao hơn.

2. Chuẩn đầu ra (Program Learning Outcomes - PLOs):

| Nhóm các PLOs | Chuẩn đầu ra |
|------------------|--|
| Kiến thức | <p>PLO1: Hiểu và nắm được các kiến thức chuyên sâu và kiến thức hiện đại về quản trị tổ chức và điều hành doanh nghiệp.</p> <p>PLO2: Áp dụng các nguyên lý và học thuyết kinh tế để xác định, xây dựng và giải quyết các vấn đề về kinh doanh, quản lý một cách hệ thống trong tổ chức, doanh nghiệp.</p> <p>PLO3: Áp dụng các công cụ và công nghệ hỗ trợ ra quyết định để giải quyết các vấn đề trong kinh doanh.</p> <p>PLO4: Phân tích được môi trường kinh doanh trong bối cảnh toàn cầu hóa để xác định các cơ hội và mối đe dọa đối với các hoạt động kinh doanh.</p> <p>PLO5: Ứng dụng kiến thức về môi trường luật pháp, văn hóa, xã hội và đạo đức để thay đổi các chiến lược kinh doanh thích hợp trước những biến đổi của môi trường.</p> |
| Kỹ năng | <p>PLO6: Nhận dạng và phát hiện vấn đề trong sản xuất, kinh doanh; đánh giá, phân tích, tổng hợp vấn đề và hệ thống hoá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề của doanh nghiệp một cách khoa học, hiệu quả, đột phá.</p> <p>PLO7: Tổ chức và quản lý các hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp; xây dựng và phát triển chiến lược kinh doanh của tổ chức và triển khai dự án khởi nghiệp.</p> |

| Nhóm các PLOs | Chuẩn đầu ra |
|--|--|
| | <p>PLO8: Xây dựng môi trường làm việc gắn kết, công bằng trong nhóm, tổ chức, doanh nghiệp bằng cách nâng cao kỹ năng giao tiếp, truyền đạt, dẫn dắt.</p> <p>PLO9: Sử dụng các phương thức truyền thông kinh doanh hiệu quả để tiếp cận các đối tượng khách hàng, đối tác đa dạng</p> <p>PLO10: Giao tiếp bằng tiếng Anh và làm việc trong môi trường kinh doanh quốc tế, đạt chuẩn ngoại ngữ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (bậc 4/6 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).</p> |
| <p align="center">Mức tự chủ và trách nhiệm</p> | <p>PLO11: Tuân thủ pháp luật; thực hiện tốt trách nhiệm công dân, cộng đồng xã hội, trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị và đạo đức nghề nghiệp.</p> <p>PLO12: Tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong tổ chức; quản trị xung đột lợi ích trong tổ chức; thích ứng trong môi trường làm việc đa văn hóa; quản trị những rủi ro trong kinh doanh; quản trị sự thay đổi trong kinh doanh; thích nghi trong môi trường biến động, cạnh tranh, hội nhập.</p> <p>PLO13: Hoạch định, đánh giá, và cải tiến nâng cao hiệu quả, phát huy trí tuệ tập thể, dẫn dắt các thành viên trong tổ chức đoàn kết, phấn đấu, làm việc hết mình vì mục tiêu chung của tổ chức, doanh nghiệp.</p> <p>PLO14: Nghiên cứu, vận dụng kiến thức và kỹ năng để đưa ra những sáng kiến quan trọng, dự báo, kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.</p> |

3. Ma trận mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

| Mục tiêu của CTĐT | Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo | | | | | | | | | | | | | |
|-------------------|---------------------------------------|-------|-------|-------|-------|---------|-------|-------|-------|--------|---------------------------|--------|--------|--------|
| | Kiến thức | | | | | Kỹ năng | | | | | Mức tự chủ và trách nhiệm | | | |
| | PLO 1 | PLO 2 | PLO 3 | PLO 4 | PLO 5 | PLO 6 | PLO 7 | PLO 8 | PLO 9 | PLO 10 | PLO 11 | PLO 12 | PLO 13 | PLO 14 |
| PO1 | X | X | | | | | | | | | | | | |
| PO2 | | X | X | X | X | X | X | | | | | | | |
| PO3 | | | | | | | | X | X | X | | | | |

| Mục tiêu của CTĐT | Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo | | | | | | | | | | | | | |
|-------------------|---------------------------------------|-------|-------|-------|-------|---------|-------|-------|-------|--------|---------------------------|--------|--------|--------|
| | Kiến thức | | | | | Kỹ năng | | | | | Mức tự chủ và trách nhiệm | | | |
| | PLO 1 | PLO 2 | PLO 3 | PLO 4 | PLO 5 | PLO 6 | PLO 7 | PLO 8 | PLO 9 | PLO 10 | PLO 11 | PLO 12 | PLO 13 | PLO 14 |
| PO4 | | | | | | | | X | | X | | X | | |
| PO5 | | | | | X | | | | | X | X | X | X | |
| PO6 | | | | | X | | | | | | | | | X |

4. Vị trí việc làm:

Các vị trí công tác có khả năng làm việc phù hợp và tốt:

- Nhà điều hành cao cấp trong các doanh nghiệp, tổ chức.
- Tự khởi nghiệp kinh doanh độc lập.
- Quản lý chiến lược hay quản lý chức năng như sản xuất, kinh doanh, marketing, nhân sự, mua hàng, chất lượng....
- Học tiếp lên tiến sĩ hoặc giảng dạy và làm việc tại các tổ chức nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng trên cả nước.

5. Thời gian đào tạo: 02 năm

6. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 60 tín chỉ

7. Tiêu chí tuyển sinh:

7.1. Đối tượng tuyển sinh: Áp dụng theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

7.2. Hình thức tuyển sinh: Cập nhật hằng năm theo Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn, căn cứ theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp:

8.1. Quy trình đào tạo:

Thực hiện theo Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế học vụ hiện hành của Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn.

8.2. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế học vụ hiện hành của Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn.

9. Phương thức đánh giá:

Thực hiện theo Quy chế học vụ hiện hành của Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn.

10. Nội dung chương trình đào tạo:

10.1. Các khối kiến thức:

| Khối kiến thức | Số tín chỉ | Tỉ lệ % |
|--------------------|------------|---------|
| 1. Kiến thức chung | 6 | 10% |
| 2. Kiến thức cơ sở | 15 | 25% |

| Khối kiến thức | Số tín chỉ | Tỉ lệ % |
|-------------------------------------|------------|-------------|
| 3. Kiến thức chuyên ngành | 23 | 38% |
| 4. Trải nghiệm thực tế và chuyên đề | 4 | 07% |
| 5. Thực tập và đồ án tốt nghiệp | 12 | 20% |
| Tổng cộng: | 60 | 100% |

10.2. Nội dung chi tiết:

| STT | Mã HP | Tên học phần | | Số TC | Phân bổ số tiết | | | | | Mã HP tiên quyết | Ghi chú |
|------------------------------------|---------|--|-----------------------------------|-----------|-----------------|-----|--------|----|----|------------------|---|
| | | Tiếng Việt | Tiếng Anh | | Tổng g | L T | TH /TN | ĐA | TT | | |
| I. KIẾN THỨC CHUNG | | | | 6 | | | | | | | |
| I.1. | MBA8001 | Triết học | Philosophy | 3 | 45 | 45 | | | | | |
| I.2. | MBA8002 | Tiếng Anh học thuật | Academic English | 3 | 45 | 45 | | | | | |
| II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH | | | | 15 | | | | | | | |
| II.1 | MBA8003 | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh | Business Research Methods | 3 | 45 | 45 | | | | | Học phần SV ngành QTKD có thể đăng ký học vượt. |
| II.2 | MBA8004 | Quản trị nguồn nhân lực | Human Resource Management | 3 | 45 | 45 | | | | | Học phần SV ngành QTKD có thể đăng ký học vượt. |
| II.3 | MBA8005 | Quản trị marketing | Marketing Management | 3 | 45 | 45 | | | | | |
| II.4 | MBA8006 | Quản trị tài chính | Finance Management | 3 | 45 | 45 | | | | | Học phần SV ngành QTKD có thể đăng ký học vượt. |
| II.5 | MBA8007 | Quản trị chiến lược | Strategic Management | 3 | 45 | 45 | | | | | Học phần SV ngành QTKD có thể đăng ký học vượt. |
| III. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH | | | | 23 | | | | | | | |
| Các học phần bắt buộc | | | | 18 | | | | | | | |
| III.1 | MBA8008 | Thiết kế nghiên cứu | Research design | 3 | 45 | 45 | | | | | |
| III.2 | MBA8009 | Quản trị điều hành | Operations Management | 3 | 45 | 45 | | | | | |
| III.3 | MBA8010 | Khởi nghiệp trong thời đại số | Entrepreneurship in A Digital Age | 3 | 45 | 45 | | | | | Học phần SV ngành QTKD có thể đăng ký học vượt. |

| STT | Mã HP | Tên học phần | | Số TC | Phân bổ số tiết | | | | | Mã HP tiên quyết | Ghi chú |
|---|---------|--|--|-----------|-----------------|-----|--------|----|----|------------------|---------|
| | | Tiếng Việt | Tiếng Anh | | Tổng g | L T | TH /TN | ĐA | TT | | |
| III.4 | MBA8011 | Quản trị đổi mới và sáng tạo | Innovation and Creativity Management | 3 | 45 | 45 | | | | | |
| III.5 | MBA8012 | Marketing số và thương mại điện tử | Digital Marketing and E-commerce | 3 | 45 | 45 | | | | | |
| III.6 | MBA8013 | Phát triển Kỹ năng lãnh đạo | Developing leadership skills | 3 | 45 | 45 | | | | | |
| Các học phần tự chọn (chọn 05 tín chỉ) | | | | 05 | | | | | | | |
| III.7 | MBA8014 | Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp | Corporate Social Responsibility | 2 | 30 | 30 | | | | | |
| III.8 | MBA8015 | Phân tích số liệu và dự báo thị trường – ứng dụng big data | Data Analysis and Forecasting – Big Data Application | 3 | 45 | 45 | | | | | |
| III.9 | MBA8016 | Quản trị rủi ro | Risk Management | 2 | 30 | 30 | | | | | |
| III.10 | MBA8017 | Quản trị truyền thông và xây dựng thương hiệu | Communication and Branding Management | 3 | 45 | 45 | | | | | |
| III.11 | MBA8018 | Quản trị dự án | Project Management | 3 | 45 | 45 | | | | | |
| IV. TRẢI NGHIỆM THỰC TẾ VÀ CHUYÊN ĐỀ | | | | 4 | | | | | | | |
| IV.1 | MBA8019 | Tham quan học tập/ trải nghiệm thực tế | Study-Tour | 1 | 30 | | 30 | | | | |
| IV.2 | MBA8020 | AI và sự phát triển kinh tế-xã hội | AI and Socio-Economic Development | 1 | 15 | 15 | | | | | |
| IV.3 | MBA8021 | Chuyển đổi số cho doanh nghiệp | Digital Transformation for Business | 1 | 15 | 15 | | | | | |
| IV.4 | MBA8022 | Khởi nghiệp sáng tạo | Creative Start-up | 1 | 15 | 15 | | | | | |
| V. THỰC TẬP VÀ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP | | | | 12 | | | | | | | |
| V.1 | MBA8023 | Thực tập | Internship | 6 | | | | | | | |

| STT | Mã HP | Tên học phần | | Số TC | Phân bổ số tiết | | | | | Mã HP tiên quyết | Ghi chú | |
|-----|---------|------------------|--------------------|-------|-----------------|-----|--------|----|----|------------------|---------|--|
| | | Tiếng Việt | Tiếng Anh | | Tôn g | L T | TH /TN | ĐA | TT | | | |
| V.2 | MBA8024 | Đồ án tốt nghiệp | Graduation Project | 6 | | | | | | | | |

11. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

(Mức độ áp ứng: 1: Không đóng góp; 2: Đóng góp dưới trung bình; 3: Đóng góp trung bình; 4: Đóng góp trên trung bình; 5: Đóng góp cao)

| MÔN HỌC | Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo | | | | | | | | | | | | | |
|--|---------------------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|--------|--------|--------|--------|--------|
| | PL O1 | PL O2 | PL O3 | PL O4 | PL O5 | PL O6 | PL O7 | PL O8 | PL O9 | PL O10 | PL O11 | PL O12 | PL O13 | PL O14 |
| KHỐI KIẾN THỨC CHUNG | | | | | | | | | | | | | | |
| Triết học | 3 | 3 | | 3 | | | | | | 3 | | | 3 | 3 |
| Tiếng Anh học thuật | 3 | | | | | | | 4 | | | 4 | | | |
| KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ | | | | | | | | | | | | | | |
| Quản trị nguồn nhân lực | 4 | 3 | | 4 | | 3 | | | | | | | 3 | 4 |
| Quản trị chiến lược | 4 | | 4 | 4 | 4 | | 4 | | | 3 | 3 | | 4 | 4 |
| Quản trị marketing | | 3 | 4 | | | | 4 | | | 3 | 3 | | 4 | |
| Quản trị tài chính | | 4 | 4 | | 4 | 4 | 4 | | | 3 | | | 4 | 4 |
| Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh | 4 | 4 | | | | | 4 | | | | | | 4 | 4 |
| KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH | | | | | | | | | | | | | | |
| Bắt buộc | | | | | | | | | | | | | | |
| Quản trị điều hành | 4 | 3 | | 4 | | 4 | | | 4 | | | | 3 | 4 |
| Thiết kế nghiên cứu | 4 | 4 | | | 3 | | | | | | | | 4 | 4 |
| Quản trị đổi mới và sáng tạo | | 4 | 3 | 4 | | | 4 | | 4 | 3 | | | 4 | 4 |
| Marketing số và thương mại điện tử | | 4 | 4 | 3 | | 4 | 4 | | | 3 | | | 4 | 4 |
| Phát triển kỹ năng lãnh đạo | | 4 | | | | 4 | 4 | | 4 | 3 | 4 | 4 | 4 | 3 |
| Khởi nghiệp trong thời đại số | | 4 | 4 | | 4 | 4 | 4 | | 4 | 3 | | 4 | 3 | |
| Tự chọn | | | | | | | | | | | | | | |
| Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp | | 4 | | 4 | | | | | | 5 | 3 | 4 | | 3 |
| Quản trị rủi ro | | 4 | 4 | | 4 | | | | | 3 | | | 4 | |
| Phân tích số liệu và dự báo thị trường – ứng dụng big data | | 4 | 4 | | 4 | | 4 | | | | | 3 | 4 | 4 |
| Quản trị truyền thông và xây dựng thương hiệu | | | 4 | | | | 4 | | | | 3 | | 4 | 3 |

| MÔN HỌC | Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo | | | | | | | | | | | | | |
|---|---------------------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|--------|--------|--------|--------|--------|
| | PL O1 | PL O2 | PL O3 | PL O4 | PL O5 | PL O6 | PL O7 | PL O8 | PL O9 | PL O10 | PL O11 | PL O12 | PL O13 | PL O14 |
| Quản trị dự án | | 4 | 3 | | | 4 | 4 | | 4 | 3 | 4 | 4 | 4 | |
| TRẢI NGHIỆM THỰC TẾ VÀ CHUYÊN ĐỀ | | | | | | | | | | | | | | |
| Trải nghiệm thực tế (Study tour) | | | 3 | | 4 | 4 | 3 | | | | 4 | 3 | | |
| Chuyên đề 1: AI và sự phát triển kinh tế-xã hội | | 3 | | | 4 | | | | | | | | 4 | |
| Chuyên đề 2: Chuyển đổi số cho doanh nghiệp | | | 3 | | | | 4 | | | | 4 | | | |
| Chuyên đề 3: Khởi nghiệp sáng tạo | | 3 | | | | | 4 | | 4 | | 3 | | | |
| THỰC TẬP VÀ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP | | | | | | | | | | | | | | |
| Thực tập | 4 | 4 | 4 | 3 | 5 | | 4 | | | | 4 | | 5 | |
| Đồ án tốt nghiệp | 4 | 4 | 4 | 3 | 5 | | 4 | | | | 4 | | 5 | |

12. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến):

| STT | Mã HP | Tên học phần | Số tín chỉ | Tổng số tiết | Phân bổ số tiết | | | | Ghi chú |
|----------------------------|---------|--|------------|--------------|-----------------|-------|----|----|---|
| | | | | | LT | TH/TN | ĐA | TT | |
| Học kỳ 1 | | | | | | | | | |
| 1 | MBA8001 | Triết học | 3 | 45 | 45 | | | | |
| 2 | MBA8002 | Tiếng Anh học thuật | 3 | 45 | 45 | | | | |
| 3 | MBA8008 | Thiết kế nghiên cứu | 3 | 45 | 45 | | | | |
| 4 | MBA8003 | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh | 3 | 45 | 45 | | | | Học phần SV ngành QTKD có thể đăng ký học vượt. |
| 5 | MBA8006 | Quản trị tài chính | 3 | 45 | 45 | | | | Học phần SV ngành QTKD có thể đăng ký học vượt. |
| 6 | MBA8004 | Quản trị nguồn nhân lực | 3 | 45 | 45 | | | | Học phần SV ngành QTKD có thể đăng ký học vượt. |
| Tổng số tín chỉ HK1 | | | 18 | | | | | | |
| Học kỳ 2 | | | | | | | | | |
| 1 | MBA8005 | Quản trị marketing | 3 | 45 | 45 | | | | |
| 2 | MBA8007 | Quản trị chiến lược | 3 | 45 | 45 | | | | Học phần SV ngành QTKD có thể đăng ký học vượt. |
| 3 | MBA8009 | Quản trị điều hành | 3 | 45 | 45 | | | | |

| STT | Mã HP | Tên học phần | Số tín chỉ | Tổng số tiết | Phân bổ số tiết | | | | Ghi chú |
|---------------------------------------|---------|--|------------|--------------|-----------------|-----------|----|----|---|
| | | | | | LT | TH/ TN | ĐA | TT | |
| 4 | MBA8011 | Quản trị đổi mới và sáng tạo | 3 | 45 | 45 | | | | |
| 5 | MBA8012 | Marketing số và thương mại điện tử | 3 | 45 | 45 | | | | |
| 6 | MBA8013 | Phát triển kỹ năng lãnh đạo | 3 | 45 | 45 | | | | |
| Tổng số tín chỉ HK2 | | | 18 | | | | | | |
| Học kỳ 3 | | | | | | | | | |
| Bắt buộc | | | | | | | | | |
| 1 | MBA8010 | Khởi nghiệp trong thời đại số | 3 | 45 | 45 | | | | Học phần SV ngành QTKD có thể đăng ký học vượt. |
| 2 | MBA8019 | Study-Tour | 1 | 30 | | 30 | | | |
| 3 | MBA8020 | Chuyên đề 1: AI và sự phát triển kinh tế-xã hội | 1 | 15 | 15 | | | | |
| 4 | MBA8021 | Chuyên đề 2: Chuyển đổi số cho doanh nghiệp | 1 | 15 | 15 | | | | |
| 5 | MBA8022 | Chuyên đề 3: Khởi nghiệp sáng tạo | 1 | 15 | 15 | | | | |
| 6. Tự chọn 1 (Chọn 01 môn học) | | | 2 | | | | | | |
| 6.1 | MBA8014 | Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp | 2 | 30 | 30 | | | | |
| 6.2 | MBA8016 | Quản trị rủi ro | 2 | 30 | 30 | | | | |
| 7. Tự chọn 2 (Chọn 01 môn học) | | | 3 | | | | | | |
| 7.1 | MBA8015 | Phân tích số liệu và dự báo thị trường – ứng dụng big data | 3 | 45 | 45 | | | | |
| 7.2 | MBA8017 | Quản trị truyền thông và xây dựng thương hiệu | 3 | 45 | 45 | | | | |
| 7.3 | MBA8018 | Quản trị dự án | 3 | 45 | 45 | | | | |
| Tổng số tín chỉ HK3 | | | 12 | | | | | | |
| Học kỳ 4 | | | | | | | | | |
| 1 | MBA8023 | Thực tập | 06 | | | | | | |
| 2 | MBA8024 | Đồ án tốt nghiệp | 06 | | | | | | |
| Tổng số tín chỉ HK4 | | | 12 | | | | | | |

13. Sơ đồ chương trình giảng dạy:

| HOCKY 1 | HOCKY 2 | HOCKY 3 | HOCKY 4 |
|---|---|---|--|
| <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;"> Triết học / Philosophy 3 MEA8001 </div> | <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;"> Quản trị marketing/ Marketing management 3 MEA8005 </div> | <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;"> Trải nghiệm thực tế/ Study-tour 1 MEA80019 </div> | <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;"> Thực tập/ Internship 6 MEA8023 </div> |
| <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;"> Tiếng Anh học thuật / Academic English 3 MEA8002 </div> | <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;"> Quản trị chiến lược/ Strategic Management 3 MEA8007 </div> | <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;"> Khởi nghiệp trong thời đại số/ Entrepreneurship in The Digital Age 3 MEA8010 </div> | <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;"> Đồ án tốt nghiệp / Graduation Project 6 MEA8024 </div> |
| <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;"> Thiết kế nghiên cứu/ Research design 3 MEA8008 </div> | <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;"> Quản trị điều hành/ Operation Management 3 MEA8009 </div> | <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;"> Chuyên đề 1: AI và sự phát triển kinh tế-xã hội/ AI and Socio-Economic Development 1 MEA8020 </div> | |
| <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;"> Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh/ Business research methods 3 MEA8003 </div> | <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;"> Quản trị sáng tạo và đổi mới/ Creative and innovation management 3 MEA8011 </div> | <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;"> Chuyên đề 2: Chuyển đổi số cho doanh nghiệp/ Digital transformation for businesses 1 MEA8021 </div> | |
| <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;"> Quản trị nguồn nhân lực / Human Resource Management 3 MEA8004 </div> | <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;"> Marketing số và thương mại điện tử/ Digital marketing and E-commerce 3 MEA8012 </div> | <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;"> Chuyên đề 3: Khởi nghiệp sáng tạo/ Creative start-up 1 MEA8022 </div> | |
| <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;"> Quản trị tài chính / Finance management 3 MEA8006 </div> | <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;"> Phát triển kỹ năng lãnh đạo/ Developing leadership skills 3 MEA8013 </div> | <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;"> Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp/ Corporate Social Responsibility 2 MEA8014 </div> | Tự chọn 1 trong 2 môn học |
| | | <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;"> Quản trị rủi ro/ Risk management MEA8016 </div> | |
| | | <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;"> Phân tích số liệu và dự báo thị trường - ứng dụng big data/ Data Analysis and Forecasting - Big Data Application 3 MEA8015 </div> | Tự chọn 1 trong 3 môn học |
| | | <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;"> Quản trị truyền thông và xây dựng thương hiệu/ Communication and Branding management MEA8017 </div> | |
| | | <div style="border: 1px solid black; padding: 2px;"> Quản trị dự án / Project management MEA8018 </div> | |

Số tín chỉ trong học kỳ

18

18

12

12

60

Chú giải:

Môn học chung

Môn chuyên ngành

Môn học cơ sở ngành

Môn tự chọn

14. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của nhà trường
- Các học phần được phân công giảng dạy bởi Khoa và được giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần thống nhất đã được phê duyệt
- Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần được thực hiện theo Quy chế học vụ và các quy chế, quy định có liên quan của Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn.

15. Mô tả môn học:

15.1. Triết học

Môn học được mở rộng trên cơ sở môn Triết học Mác Lê-Nin ở đại học, trang bị cho người học những kiến thức có hệ thống về triết học, bao gồm: lịch sử triết học phương Đông, lịch sử triết học phương Tây, triết học Mác-Lênin, những nguyên lý và quy luật của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Từ đó góp phần bồi dưỡng cho người học thế giới quan và phương pháp luận khoa học, nâng cao bản lĩnh, phẩm chất đạo đức và năng lực tư duy.

15.2. Tiếng Anh học thuật

Môn học có các bài luyện kỹ năng đọc hiểu liên quan đến một số vấn đề ngôn ngữ và chuyên ngành ngôn ngữ học nhằm giúp học viên củng cố vốn từ vựng và ngữ pháp, kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ đã học, đồng thời tăng cường vốn từ vựng thường dùng trong văn phong khoa học, đặc biệt là tài liệu liên quan đến kinh doanh và quản trị. Học viên được giới thiệu và rèn luyện kỹ năng để hiểu được văn phong, diễn ngôn, cấu trúc văn bản khoa học cũng như suy luận và tường giải được đúng các ý hàm ẩn, tư tưởng, thái độ, quan điểm của người viết trong tài liệu khoa học. Trọng tâm thứ hai là luyện cách viết câu, viết đoạn, viết tóm tắt nội dung của các tài liệu khoa học và viết bài luận theo văn phong khoa học. Ngoài ra, môn học còn có các bài tập luyện dịch Anh-Việt, Việt-Anh, chú trọng một số cấu trúc đặc thù, phổ biến trong văn phong khoa học cũng như những cấu trúc, từ vựng, thuật ngữ ngành QTKD mà học viên Việt Nam thường gặp khó khăn nhằm bổ trợ cho kỹ năng đọc hiểu và viết.

15.3. Quản trị điều hành

Môn học Quản trị điều hành nâng cao là môn học phát triển dựa trên kiến thức và kỹ năng của môn học Quản trị học của giai đoạn Đại học. Môn học nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị sản xuất và điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh trong doanh nghiệp. Người học có thể hiểu các công tác quản trị điều hành từ công tác dự báo, thiết kế sản phẩm, lựa chọn vị trí doanh nghiệp đến bố trí mặt bằng, hoạch định tổng hợp, hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, lập lịch điều hành, quản lý tồn kho...

15.4. Thiết kế nghiên cứu

Là môn học hoạch định kế hoạch nghiên cứu, gồm: (1) Xác định cụ thể mục tiêu nghiên cứu thông qua các câu hỏi nghiên cứu; và (2) Xác định cách thức tối ưu để đáp ứng mục tiêu nghiên cứu thông qua việc tìm ra câu trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu.

Thiết kế nghiên cứu xác định loại nghiên cứu với 3 loại nghiên cứu cơ bản: (a) Nghiên cứu khám phá: Nhằm tìm hiểu sơ bộ vấn đề thông qua việc thu thập các dữ liệu sơ cấp hoặc/và thứ cấp; (b) Nghiên cứu mô tả: nhằm tìm ra đặc tính của đối tượng nghiên cứu thông qua một quy trình nghiên cứu chặt chẽ và chi tiết; (c) Nghiên cứu nhân quả: nhằm tìm ra mối quan hệ nhân quả giữa các biến thông qua các thực nghiệm hoặc các mô hình toán.

Thiết kế nghiên cứu đồng thời xác định: vấn đề nghiên cứu, giả thuyết nghiên cứu, mô hình nghiên cứu, biến độc lập và biến phụ thuộc. Một cách khái quát, thiết kế nghiên cứu là khuôn khổ được tạo ra để tìm câu trả lời cho vấn đề nghiên cứu.

15.5. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh

Học phần này nhằm trang bị cho học viên các chuyên ngành khác nhau trong lĩnh vực kinh tế và kinh doanh phương pháp luận về nghiên cứu. Sau khi học xong, học viên hiểu được triết lý nghiên cứu và vận dụng được các bước trong nghiên cứu như xác định chủ đề nghiên cứu, làm tổng quan tài liệu nghiên cứu, hiểu được nền tảng triết lý nghiên cứu và các tiếp cận phát triển lý thuyết trong nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, đạo đức nghiên cứu và tiếp cận dữ liệu, thu thập và phân tích dữ liệu định lượng và định tính, trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu. Những kiến thức và kỹ năng này cần thiết và hữu ích trực tiếp cho việc học tập và nghiên cứu của học viên trong thời gian học tại trường và áp dụng trong quá trình làm việc, công tác hiện tại và sau này.

15.6. Quản trị đổi mới và sáng tạo

Môn này được thiết kế nhằm giới thiệu cho người học các khái niệm, các cơ hội và thách thức cũng như vai trò của quản trị sáng tạo và đổi mới trong tổ chức. Ngoài ra, môn học này cũng cung cấp cho học viên các kỹ thuật và công cụ để hình thành và hỗ trợ cho các hoạt động sáng tạo và đổi mới trong tổ chức. Người học sẽ nhận biết các điều kiện cần thiết cho việc sáng tạo và đổi mới cũng như các loại hình đổi mới trong tổ chức.

15.7. Marketing số và thương mại điện tử

Sự phát triển của Internet tiếp tục mang lại nhiều ảnh hưởng đối với kinh doanh của các công ty và tổ chức thuộc tất cả các thành phần và qui mô khác nhau. Các tổ chức cũ buộc phải thiết kế lại các chiến lược và cách thức mà họ điều hành hoạt động của mình theo mô hình mới. Các tổ chức mới thì hình thành và phát triển với những mô hình kinh doanh đặc sắc,

tạo ra một cuộc đua tranh đầy thử thách cho mọi loại hình tổ chức.

Môn học là sự vận dụng các kiến thức tổng hợp về quản trị kinh doanh, marketing ứng dụng vào môi trường kinh doanh trực tuyến, cách thức tích hợp mô hình kinh doanh trực tuyến và các chiến lược marketing trực tuyến vào mô hình kinh doanh truyền thống vốn có.

Môn học bao gồm 2 phần:

+ Phần 1: Marketing số giúp học viên hiểu hơn về sự phát triển của các mô hình quảng cáo mới trên các kênh truyền thông trực tuyến. Từ đó, xây dựng các chiến lược marketing mới phù hợp với khách hàng mục tiêu nhằm mang lại hiệu quả các nhất với chi phí phù hợp nhất.

+ Phần 2: Thương mại điện tử giúp người học hiểu biết sự phát triển trong lĩnh vực kinh doanh trực tuyến, các mô hình kinh doanh, thể loại công nghệ, đặc tính thị trường và hành vi của khách hàng, các cách thức tổ chức và vận hành hoạt động kinh doanh điện tử và các xu thế kinh doanh đang tiến triển trong lĩnh vực trực tuyến.

Môn học giúp học viên nâng cao kiến thức và kỹ năng để xây dựng những chiến lược quảng bá và kinh doanh phù hợp với doanh nghiệp nhưng không nằm ngoài xu thế của thế giới.

15.8. Quản trị Marketing

Học phần giúp học viên nắm được những kiến thức nâng cao về các vấn đề liên quan đến marketing trong doanh nghiệp; có kỹ năng phân tích khách hàng, sản phẩm, chính sách giá, đối thủ cạnh tranh, lựa chọn chiến lược marketing phù hợp cho doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh bất định và toàn cầu; Hiểu rõ Marketing chiến lược đóng vai trò quan trọng trong thành công của doanh nghiệp. Học phần cung cấp những quan điểm chuyên sâu và các quá trình gắn liền với chiến lược marketing định hướng thị trường, phương pháp phân tích tình huống, thiết kế và lựa chọn chiến lược, phát triển chiến lược sử dụng các công cụ của marketing - mix, cách thức tổ chức thực hiện và quản lý chiến lược theo định hướng thị trường.

15.9. Quản trị tài chính

Trang bị cho học viên khả năng phân tích và lập kế hoạch tài chính cho doanh nghiệp, ra các quyết định đầu tư dài hạn dựa trên dòng tiền (cash-flow), chi phí vốn và độ rủi ro của dự án. Kiến thức của học phần này có liên quan đến 4 vấn đề lớn: (1) Phân tích và hoạch định tài chính; (2) Quản trị vốn lưu động; (3) Ra quyết định đầu tư hoặc tài trợ; (4) Phân phối lợi nhuận. Kiến thức của học phần này sẽ giúp cho việc ra quyết định đúng trong hoạch định kế hoạch tài chính cũng như chiến lược kinh doanh cho doanh nghiệp.

15.10. Quản trị nguồn nhân lực

Là môn học bao gồm các việc hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát các hoạt động liên quan đến việc thu hút, sử dụng và phát triển nguồn lực con người để có thể thành

đạt các mục tiêu của tổ chức. Nội dung cơ bản của công tác quản trị nguồn nhân lực xoay quanh các nghiệp vụ như: phân tích công việc, mô tả công việc, tuyển dụng nhân sự, đào tạo và phát triển nhân sự, lương bổng và đãi ngộ, khen thưởng và kỷ luật, giao tế nhân sự, hành vi tổ chức, ...

15.11. Quản trị chiến lược

Môn học này giúp học viên nắm được những kiến thức nâng cao về các vấn đề liên quan đến công tác quản trị chiến lược trong doanh nghiệp; Có kỹ năng xây dựng, phân tích, lựa chọn chiến lược và tổ chức, thực hiện chiến lược của công ty trong môi trường kinh doanh bất định và toàn cầu.

Trên cơ sở các kiến thức khung cơ bản về Quản trị chiến lược đã được trang bị trong chương trình đào tạo cử nhân, Học phần Quản trị chiến lược nâng cao đi sâu vào những kiến thức, kỹ năng nâng cao về quản trị chiến lược như: xác định lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, các giá trị cốt lõi và tầm nhìn của doanh nghiệp; hình thành mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp để thực hiện sứ mệnh trong chu kỳ chiến lược; đánh giá thế và lực của doanh nghiệp trong chu kỳ chiến lược; phát hiện thời cơ chiến lược của doanh nghiệp; thực thi chiến lược hướng đích thông qua chuỗi các biện pháp: thay đổi tổ chức; thiết lập hệ thống khuyến khích và trợ lực; phát triển văn hóa mạnh; nhận thức và phản ứng với những thay đổi và sai lệch chiến lược..

15.12. Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp

Môn học cho người học cái nhìn tổng quan về các vấn đề chính yếu thuộc trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (viết tắt là CSR) và các thách thức mà doanh nghiệp đang đối mặt khi đưa các nguyên tắc CSR vào thực tiễn. Môn học giúp xem xét việc thực thi trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội và làm thế nào để cân bằng việc kinh doanh và CSR. Môn học giúp người học nhận diện hoạt động nào là CSR, ra quyết định liên quan và làm thế nào để truyền thông về CSR đến nhóm công chúng mục tiêu. Môn học cũng giới thiệu một số trường hợp liên quan đến phát triển bền vững và vai trò của doanh nghiệp trong việc phát triển này.

Môn học bao gồm những vấn đề về mối quan hệ giữa doanh nghiệp, xã hội và chính quyền, những vấn đề về môi trường, quản trị doanh nghiệp, các khía cạnh quản lý liên quan đến xã hội và đạo đức kinh doanh, hiểu các bên liên quan (công chúng của doanh nghiệp), nhu cầu của họ và những thách thức mà doanh nghiệp đáp ứng những yêu cầu mới của xã hội.

Môn học sẽ cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng để nâng cao tính bền vững và giá trị của doanh nghiệp. Người học sẽ có cơ hội giải quyết một số tình huống trong thực tiễn về CSR, đạo đức kinh doanh và tính trách nhiệm đối với công chúng bên trong và bên

ngoài của doanh nghiệp..

15.13. Phân tích số liệu và dự báo thị trường – ứng dụng big data

Hầu hết mọi công ty và tổ chức đều thu thập dữ liệu về hoạt động của họ để hiểu rõ hơn về cách thực hiện các cải tiến nội bộ. Khi lượng dữ liệu được thu thập tăng lên, việc phân tích dữ liệu này theo cách thủ công sẽ khó khăn hơn. Các công ty lớn hơn đang có xu hướng tự động hóa việc thu thập số lượng lớn dữ liệu (Big data) để khám phá các mẫu hành vi và hiểu rõ hơn về các quy trình nội bộ của họ.

Việc thu thập dữ liệu (khai thác dữ liệu) có một số ứng dụng, bao gồm giảm lượng thời gian cần thiết để đưa ra quyết định và cắt giảm biên độ lỗi. Khả năng dự đoán của phân tích dữ liệu có thể cải thiện hoạt động tiếp thị của công ty, giúp hiểu hành vi của khách hàng và ngăn chặn gian lận. Do đó, khai thác dữ liệu có thể áp dụng cho mọi bộ phận trong bất kỳ công ty nào.

Môn học này sẽ cung cấp cho học viên cách phân tích các tập dữ liệu lớn và giúp cải thiện quy trình ra quyết định của bất kỳ công ty và tổ chức nào. Học viên sẽ sử dụng các kỹ thuật chuyên môn để phân tích các số liệu mà công ty thu thập được và nghiên cứu thị trường để tìm ra hành vi tiêu dùng của khách hàng và từ đó xây dựng các chiến lược tổng thể để vận hành công ty hiệu quả và tăng doanh thu cho công ty.

15.14. Phát triển kỹ năng lãnh đạo

Môn học được thiết kế dựa trên kiến thức nền của Quản trị học, Tâm lý học, Quản trị nguồn nhân lực, Hành vi tổ chức, ... Trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng về nghệ thuật lãnh đạo trong các tổ chức nhằm giúp họ biết cách lãnh đạo ở cấp độ nhóm cũng như cấp độ chiến lược một cách hiệu quả nhất. Môn học đồng thời cung cấp những nghiên cứu về lãnh đạo trong các tổ chức, chú trọng vào sự phát triển ý tưởng của lý luận và thực tiễn của lãnh đạo. Đồng thời, thông qua việc thảo luận và đánh giá các lý thuyết lãnh đạo khác nhau, học viên sẽ có thể áp dụng vào trong thực tiễn và làm phong phú thêm về kinh nghiệm lãnh đạo của bản thân.

15.15. Quản trị rủi ro

Môn học này cung cấp cho học viên những kiến thức nâng cao trong quản trị rủi ro doanh nghiệp và kỹ năng ứng dụng các công cụ tài chính, bảo hiểm,... vào quản lý rủi ro cho doanh nghiệp. Học viên sẽ được trang bị các kiến thức về phân tích các loại rủi ro, đề xuất các giải pháp quản trị rủi ro nhằm bảo đảm sự vận hành của doanh nghiệp cũng như giúp doanh nghiệp thực hiện các chiến lược quản trị rủi ro phù hợp với từng điều kiện cụ thể.

15.16. Khởi nghiệp trong thời đại số

Môn học trang bị cho học viên các kỹ năng cần thiết cho Doanh nhân được định nghĩa

như là giả định về rủi ro và trách nhiệm trong việc thiết kế và thực hiện một chiến lược kinh doanh, về quản trị marketing, quản trị sản xuất, quản trị nhân sự và tài chính trong doanh nghiệp trong thời đại số với sự tác động và ảnh hưởng của các thiết bị hiện đại.

Phần không thể thiếu của ‘entrepreneurship’ là khả năng phát triển và thực hiện một chiến lược kinh doanh. Môn học này sẽ hướng dẫn cho học viên về các nhân tố quan trọng đưa đến việc sáng tạo ra các công việc đầu tư kinh doanh mới và các đặc trưng của một doanh nhân thành công.

15.17. Quản trị truyền thông và xây dựng thương hiệu

Môn học này trang bị những kiến thức về thương hiệu cho học viên, giúp học viên nhận thức được tầm quan trọng của truyền thông và thương hiệu trong chiến lược sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt trong môi trường cạnh tranh gay gắt hiện nay. Để học tốt môn này, học viên nên học trước môn Quản trị Marketing, Quản trị chiến lược.

Sau khi học xong môn này, học viên có thể:

- Hiểu được những thuật ngữ chuyên môn, kiến thức cơ bản về truyền thông, thương hiệu, tài sản và giá trị thương hiệu.
- Hiểu được những công việc, nhiệm vụ, vai trò của nhà quản trị truyền thông và thương hiệu trong môi trường làm việc ở lĩnh vực quản trị thương hiệu.
- Phân tích và giải thích được các khía cạnh chủ yếu của tiến trình quản trị thương hiệu như: tạo dựng, duy trì, phát triển, bảo vệ và khai thác thương hiệu.
- Vận dụng được các kiến thức cơ bản về quản trị truyền thông và thương hiệu vào công việc thực tiễn.

15.18. Quản trị dự án

Môn học cung cấp cho học viên những kiến thức về:

- Định nghĩa được dự án và phân biệt được dự án với các hoạt động thường ngày diễn ra trong công ty.
- Định nghĩa được quản trị dự án.
- Xác định được các giai đoạn của chu kỳ sống dự án và hiểu được nội dung công việc của quản trị dự án trong mỗi giai đoạn của chu kỳ sống dự án.
- Hiểu được vai trò và phẩm chất của nhà quản trị dự án.
- Hiểu và xác định được các nhân tố ảnh hưởng đến sự thành công của dự án.
- Hiểu và xác định được các nguồn tài nguyên của công ty có thể được huy động cho quản lý dự án.

15.19. Study-Tour

Theo tổ chức Global Studies Group - Tập đoàn giáo dục hàng đầu thế giới được thành

lập từ năm 1994 - Study-Tour là một chương trình tham quan thực tế với mục tiêu học tập cụ thể luôn được nêu rõ trong từng chương trình đào tạo. Study-Tour nhấn mạnh đến yếu tố trải nghiệm trong học tập bao gồm cả các hoạt động cá nhân lẫn các hoạt động tập thể. Trong chuyên ngành MBA, Study-Tour được thiết kế như một học phần gồm 03 tín chỉ có nội dung trải nghiệm và phát triển các ý tưởng kinh doanh. Học viên có được kiến thức, kinh nghiệm thực tế và hiểu thêm về các mô hình kinh doanh đa dạng thông qua việc trực tiếp đi tới một quốc gia hoặc địa phương khác với nơi sinh sống và làm việc quen thuộc của mình để học hỏi, trải nghiệm. Sau đó, mang những gì tiếp thu được về vận dụng vào cách làm việc của mình nhằm mang lại hiệu quả cao.

Thông qua chuyến đi, học viên có cơ hội tư duy và phát triển các ý tưởng mới (fresh ideas). Đồng thời, qua các hoạt động trong chuyến đi, gián tiếp quảng bá hình ảnh tích cực về Trường Đại học Quốc tế Sài Gòn thông qua các công cụ nhận dạng thương hiệu như đồng phục SIU, bandroll, backdrop và các hoạt động Team-Building tại cộng đồng khiến cho du khách và người dân sở tại biết đến, nhớ đến SIU với lòng thiện cảm về hình ảnh ấn tượng của đội ngũ học viên nhà trường. Sau chuyến đi, học viên như được mở rộng tầm nhìn, phát triển nhãn quan kinh doanh, tự tin hơn để bắt tay vào xây dựng đề tài cho luận văn MBA của mình và để bảo vệ thành công sau đó.

15.20. Chuyên đề 1: AI và sự phát triển kinh tế-xã hội

Chuyên đề có các nội dung:

- Quá trình hình thành và phát triển Trí tuệ nhân tạo.
- Khái quát các lĩnh vực nghiên cứu và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo
- Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh và quản trị doanh nghiệp.
- Thời đại khai sáng mới và xã hội hướng Trí tuệ nhân tạo.

15.21. Chuyên đề 2: Chuyển đổi số cho doanh nghiệp

Chuyên đề có nội dung:

- Kinh tế số: Xu hướng phát triển tất yếu của Kinh tế thế giới và Việt nam.
- Chuyển đổi số: Mô hình, phương pháp, quy trình triển khai
- Phân tích một số doanh nghiệp chuyển đổi số thành công.
- Cơ hội và thách thức cho doanh nghiệp Việt nam trong Chuyển đổi số.

15.22. Chuyên đề 3: Khởi nghiệp sáng tạo

Chuyên đề có nội dung:

- Đổi mới sáng tạo và sự phát triển
- Khái quát các học thuyết về sáng tạo.
- Các nguyên lý và phương pháp giải quyết vấn đề sáng tạo.

- Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo.
- Phân tích một số doanh nghiệp và công ty khởi nghiệp thành công trên thế giới và ở Việt Nam.
- Khởi nghiệp sáng tạo: cơ hội và thách thức trong thời kỳ mới.

Lưu ý: Đóng kèm toàn bộ đề cương các học phần trong CTĐT.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Trần Xuân Định

TRƯỞNG KHOA


Nguyễn Tài Việt